

## BẢNG ĐIỂM

### Toán cơ sở(121)\_LT\_01

Học kỳ: 1\_2021-2022. Giảng viên: Phạm Thị Hải Châu

TT	Mã học viên	Họ	Tên	Điểm Kiểm tra thường xuyên
1	215714020110188	NGUYỄN THỊ TÚ	OANH	8.0
2	215714020110150	LÊ HÀ	PHƯƠNG	8.2
3	215714020110213	LỮ THỊ	PHƯƠNG	8.0
4	215714020110024	LƯƠNG HOÀI	PHƯƠNG	8.0
5	215714020110130	TRẦN THỊ THU	PHƯƠNG	8.0
6	215714020110109	HOÀNG THỊ HY	QUANG	8.0
7	215714020110112	PHÙNG THỊ	QUÝ	9.0
8	215714020110235	ĐÀO THỊ	QUỲNH	8.2
9	215714020110221	TRẦN THỊ DIỄM	QUỲNH	7.8
10	215714020110189	TRẦN THỊ NHƯ	QUỲNH	8.0
11	215714020110093	LÊ THỊ	SẮC	8.6
12	215714020110191	TRẦN THỊ	SÂM	8.2
13	215714020110051	GIÀ Y MAI	SINH	8.6
14	215714020110046	TRẦN THỊ	SOA	8.2
15	215714020110173	BÙI THỊ MAI	SƯƠNG	7.6
16	215714020110158	NGUYỄN THỊ HẢI	SƯƠNG	8.4
17	215714020110033	TẶNG THỊ	SƯƠNG	8.4
18	215714020110079	TRƯƠNG THỊ	SƯƠNG	8.2
19	215714020110074	PHẠM THỊ	TÂM	8.4
20	215714020110148	ĐINH VÕ PHƯƠNG	THANH	8.4
21	215714020110177	HOÀNG THỊ	THANH	8.2
22	215714020110172	LÊ THỊ PHƯƠNG	THẢO	9.2
23	215714020110050	LƯƠNG THỊ THANH	THẢO	8.2
24	215714020110147	NGUYỄN THỊ	THẢO	8.6
25	215714020110116	NGUYỄN THỊ	THẢO	8.2
26	215714020110199	TRẦN THANH	THẢO	8.8
27	215714020110179	CHÂU THỊ	THẨM	0.0
28	215714020110115	LÔ THỊ HỒNG	THẨM	7.2
29	215714020110129	TRẦN THỊ	THOÀ	8.4
30	215714020110052	CAO THỊ	THỦY	8.4
31	215714020110062	HOÀNG ANH THU	THỦY	8.2

<b>TT</b>	<b>Mã học viên</b>	<b>Họ</b>	<b>Tên</b>	<b>Điểm Kiểm tra thường xuyên</b>
32	215714020110104	NGUYỄN THỊ MINH	THÚY	8.4
33	215714020110094	VÕ THỊ	THỦY	8.4
34	215714020110088	PHAN THỊ MINH	THƯ	8.4
35	215714020110134	HOÀNG THỊ HOÀI	THƯỜNG	8.8
36	215714020110161	LÊ THỊ	THƯỜNG	8.6
37	215714020110020	NGŨ THỊ HOÀI	THƯỜNG	8.4
38	215714020110117	THÁI THỊ HOÀI	THƯỜNG	8.8
39	215714020110106	NGUYỄN THỊ THANH	TRÀ	8.2
40	215714020110099	CHẾ THỊ THÙY	TRANG	7.6
41	215714020110037	HỒ THỊ	TRANG	8.2
42	215714020110097	LÊ THỊ HUYỀN	TRANG	8.6
43	215714020110144	NGÂN HUYỀN	TRANG	8.2
44	215714020110185	NGÔ THỊ	TRANG	8.0
45	215714020110140	NGUYỄN QUỲNH	TRANG	9.4
46	215714020110232	NGUYỄN QUỲNH	TRANG	8.2
47	215714020110230	NGUYỄN THỊ	TRANG	0.0
48	215714020110182	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	4.8
49	215714020110048	NGUYỄN THỊ KIỀU	TRANG	8.2
50	215714020110091	PHAN THỊ THU	TRANG	8.0
51	215714020110049	TRỊNH THỊ	TRANG	8.6
52	215714020110193	TRẦN THỊ NGỌC	TRÂM	8.0
53	215714020110132	NGUYỄN THỊ MAI	TRINH	8.4
54	215714020110201	NGUYỄN THỊ TUYẾT	TRINH	9.0
55	215714020110065	MẠC THANH	TÚ	8.8
56	215714020110032	NGUYỄN THỊ CẨM	TÚ	8.2
57	215714020110053	NGUYỄN THỊ	TUYẾT	8.8
58	215714020110081	NGUYỄN THỊ KIM	UYÊN	8.4
59	215714020110066	NGUYỄN THỊ MAI	UYÊN	8.8
60	215714020110214	NGUYỄN THỊ MỸ	UYÊN	8.4
61	215714020110142	NGUYỄN THỊ TÚ	UYÊN	8.2
62	215714020110164	PHẠM THỊ	UYÊN	8.4
63	215714020110237	NGUYỄN THỊ	VĂN	8.2
64	215714020110087	BÙI THỊ	VÂN	8.2
65	215714020110002	NGUYỄN THỊ	VÂN	7.8
66	215714020110202	NGUYỄN THỊ THẢO	VÂN	8.2
67	215714020110126	TRẦN KHÁNH	VÂN	8.8
68	215714020110154	NGUYỄN THỊ	VIÊN	8.8

<b>TT</b>	<b>Mã học viên</b>	<b>Họ</b>	<b>Tên</b>	<b>Điểm Kiểm tra thường xuyên</b>
69	215714020110159	NGUYỄN THỊ	VINH	8.4
70	215714020110203	NGUYỄN THỊ YẾN	VY	0.0
71	215714020110123	PHẠM THỊ TRÀ	XANH	8.4
72	215714020110083	NGUYỄN THỊ	XINH	8.6
73	215714020110028	NGUYỄN THỊ MỸ	XUYÊN	8.6
74	215714020110205	ĐINH HẢI	YẾN	8.2
75	215714020110156	NGÔ THỊ	YẾN	8.2
76	215714020110111	NGUYỄN THỊ	YẾN	4.8
77	215714020110178	NGUYỄN THỊ NGỌC	YẾN	8.2
78	215714020110157	TRẦN THỊ HẢI	YẾN	8.4
79	215714020110210	TRƯỜNG THỊ HẢI	YẾN	8.2

*Nghệ An, ngày 27 tháng 01 năm 2022*

**Trưởng bộ môn**

**Giảng viên**